

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 572/XMST-KHCL

V/v mời chào gói mua sắm: Vật tư nhỏ lẻ
phục vụ sửa chữa năm 2019.

Phủ Thọ, ngày 24 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Các nhà cung cấp vật tư nhỏ lẻ phục vụ sửa chữa.

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu mua vật tư nhỏ lẻ phục vụ sửa chữa năm 2019 (chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm).

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét Thư mời chào giá cạnh tranh và gửi thư chào giá để chúng tôi xem xét, đánh giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư chào giá: **Hồi 11h00' ngày 31/5/2019.**

Bên mời chào giá sẽ tổ chức mở Thư chào giá vào: **Hồi 11h15' ngày 31/5/2019.**

Thư chào giá của Nhà cung cấp được để trong phong bì dán kín, có niêm phong, số lượng gồm 03 bộ: 01 bộ gốc và 02 bộ sao y.

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Chương: 0978.114.816.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý Công ty. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (b/c);
- KHCL; KT&NCTK;
- TCHC (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHCL.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

(Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2019/VTL)

Tên gói mua sắm: Vật tư nhỏ lẻ phục vụ sửa chữa năm 2019

Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Phú Thọ, tháng 5/2019

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2019/VTL
Tên gói mua sắm: Vật tư nhỏ lẻ phục vụ sửa chữa năm 2019
Phương án mua sắm: Mua vật tư nhỏ lẻ phục vụ sửa chữa năm 2019.

**PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Trưởng Phòng**



Nguyễn Văn Dũng

Phú Thọ, ngày 24 tháng 5 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO**

**KT/TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Vật tư nhỏ lẻ phục vụ sửa chữa năm 2019 (ký hiệu: XMST/2019/VTL).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Vốn SXKD năm 2019.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 08 tháng.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào giá, của nhà cung cấp. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp (*Áp dụng bắt buộc đối với Nhà cung cấp không có tên trong phương án mua sắm được phê duyệt (tài liệu bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2018 và 02 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu)*);
3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
4. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu;
5. Bản cam kết về chất lượng, điều kiện nghiệm thu, cung cấp CO, CQ theo yêu cầu tại mục 3. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu thuộc Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.
6. Dự thảo hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.
2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá**. TCG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ**”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI**”, “**BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ**”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá là: **hồi 11 giờ 00' ngày 31 tháng 5 năm 2019**.

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào

giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 11. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào **hồi 11 giờ 15' ngày 31 tháng 5 năm 2019** tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thư chào giá. Việc mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 12. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 13. Đánh giá Thư chào giá

Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 14. Điều kiện xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;
2. Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp hợp lệ. Đối với nhà thầu không có tên trong phương án được phê duyệt phải đảm bảo: Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm 2018 phải dương. Tổng giá trị 02 hợp đồng tương tự lớn hơn giá trị gói mua sắm.
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào thấp nhất;
6. Có giá đề nghị cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 17. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927

Fax:02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Chương – CV Phòng Kế hoạch chiến lược (SĐT: 0978.114.816).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;
- b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc Thư chào giá;
- b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;
- c) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;
- d) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- đ) Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (Áp dụng đối với nhà thầu không có tên trong phương án được phê duyệt):

Tài liệu chứng minh giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm 2018 phải dương. Tổng giá trị 02 hợp đồng tương tự lớn hơn giá trị gói mua sắm.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

Nội dung đánh giá theo Chương IV: Yêu cầu kỹ thuật và phạm vi cung cấp.

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt”.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

- Bước 1: Xác định giá chào;
 - Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);
 - Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);
 - Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
 - Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
- Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu

chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói mua sắm: ____ [*Ghi tên gói mua sắm*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá*]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền
1	Silicon đồ chịu nhiệt High-Tech Hi-Temp RTV Silicone	100% silicone rubber Silicone chịu nhiệt 650°F Thời gian khô bề mặt: ~5 phút	Thái Lan	Tuýp	300		
2	Silicone ATT Apex 688 300ml	Màu: Trắng trong Thời gian tạm khô ở nhiệt độ 23°C: 04 phút	Việt Nam	Tuýp	500		
3	Dầu chống rỉ sét và bôi trơn RP7	Dung tích: 300g/chai	Selleys/Úc hoặc tương đương	Bình	200		
4	Keo LOCTITE 603	Lực cắt chịu được(N/mm²): 3,770 psi (26) Khả năng chịu nhiệt : 300°F(150C)° Thời gian đóng kết(có thể đem ráp vào máy/ hoàn toàn): 10 phút/24 giờ Quy cách: chai 250ml	HENKEL CHINA	Chai	6		
5	Keo LOCTITE 680	Lực cắt chịu được(N/mm²): Tối thiểu 2,800 psi(19.3) Khả năng chịu nhiệt : 300°F(150C)° Thời gian đóng kết(có thể đem ráp vào máy/ hoàn toàn): 10 phút/24 giờ Quy cách: chai 250ml	HENKEL CHINA	Chai	6		
6	Keo Loctite 581: Keo dán làm kín ren	Mô tả : Hồ ngà tới nâu vàng Quy cách ren lớn nhất : Cho tới 3"(7.62cm) Chịu nhiệt : 300°F (150°C) Áp suất làm việc lớn nhất(psi)/Thời gian đóng kết(N/mm²): 10,000 psi/ 24 giờ(68.9) Vật liệu nền cần làm kín : Thép không gỉ,nhôm Làm kín nhanh ở dải áp thấp : Có Làm kín ren: Chất bịt kín ống dạng kỵ khí có dải lực cao. Đóng kết nhanh	HENKEL CHINA	chai	2		

7	Keo Loctite 277: Keo khóa ren	Màu đỏ, Lực khóa: Cao Độ nhớt (cP): 7,000 Thời gian đông kết (tối thiểu/hoàn toàn): 60 phút / 24 giờ Phạm vi nhiệt độ: -65°F đến 300°F (150°C) Mã sản phẩm: Chai 250ml Khóa Ren: Keo khóa ren lực khóa cao, độ nhớt cao dành cho bulông, ốc vít có đường kính lớn.	HENKEL CHINA	chai	12	
8	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P80	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1	
9	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P120	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1	
10	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P320	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1	
11	Giấy giáp mịn	Quy cách: 230x280 Độ hạt P600	Nikken/Nhật Bản	Tờ	30	
12	Giấy giáp vải thô B100	Độ hạt P60	Nhật Bản	m	8	
13	Giấy giáp vải mịn B100	Độ hạt 200	Nhật Bản	m	22	
14	Bìa amiang	1270x1270x0,5, chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25	
15	Bìa amiang	1270x1270x1, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25	
16	Bìa amiang	1270x1270x1,5, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25	
17	Bìa amiang	1270x1270x2, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	30	
18	Bìa amiang	1270x1270x4, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	20	
19	Bìa amiang	1270x1270x5, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	15	
20	Amiang sợi mềm	F8	Việt Nam	kg	60	
21	Amiang sợi mềm	F10	Việt Nam	kg	60	
22	Đồng lá dày 0,02	1000x1000x0,02	Việt Nam	kg	1	
23	Đồng lá dày 0,05	1000x1000x0,05	Việt Nam	kg	2	
24	Đồng lá dày 0,1	1000x1000x0,1	Việt Nam	tám	5	

25	Đồng lá dày 0,2	1000x1000x0,2	Việt Nam	tám	5		
26	Đồng lá dày 0,3	1000x1000x0,3	Việt Nam	tám	5		
27	Đồng lá dày 0,5	1000x1000x0,5	Việt Nam	tám	5		
28	Đồng lá dày 1	1000x1000x1	Việt Nam	tám	5		
29	Chổi sơn	3"75mm	Việt Nam	Cái	60		
30	Chổi sơn	2"mm	Việt Nam	Cái	20		
31	Sơn chống gỉ (loại 03lít/ Hộp)	Sơn Đại Bàng	Việt Nam	Hộp	50		
32	Sơn màu ghi (loại 03lít/ Hộp)	Sơn Đại Bàng	Việt Nam	Hộp	50		
33	Vú mỡ	M6	Việt Nam	Kg	15		
34	Vú mỡ	M8	Việt Nam	Kg	20		
35	Vú mỡ	M10	Việt Nam	Kg	20		
36	Phôi nhựa đặc	f20x1000	Việt Nam	Kg	40		
37	Phôi nhựa đặc	f30x1000	Việt Nam	Kg	40		
38	Phôi nhựa đặc	f60x1000	Việt Nam	Kg	40		
39	Nỉ tấm dày 10	Loại 10 mm	Việt Nam	m2	30		
40	Súng bơm mỡ bằng tay	Loại 500 CC	ASIA	Cái	10		
41	Amiang chì	35x35	ASIA	Kg	10		
42	Đầu cắm nhanh	Ø10	ASIA	Cái	34		
43	Đầu cắm nhanh	Φ12xM20	ASIA	Cái	40		
44	Đầu cắm nhanh	Φ8xM20	ASIA	Cái	40		
45	Dây khí	Φ12	ASIA	Mét	20		
46	Dây khí	Φ8	ASIA	Mét	20		
47	Đinh rút	F3,2x10	ASIA	Kg	40		

48	Lò xo graphit	F5xF60x200	ASIA	Cái	60		
49	Phanh hãm trực	F32	ASIA	Cái	480		
50	Phanh hãm trực lỗ	F76	ASIA	Cái	480		
51	Rắc co ống đồng	F10	ASIA	cái	100		
52	Tấm cao su	chịu nhiệt 250 độ C, B500 dày 10	ASIA	Kg	300		
53	Tăng đơ	M24	ASIA	Cái	12		
54	Xy lanh	TC 63x250	ASIA	Cái	20		
55	Khớp cầu trái tự lựa	M22, bước ren 1,5	ASIA	Cái	12		
56	Xích truyền động ghi (Bộ 6m)	PHC 200-1	ASIA	Bộ	1		
57	Silicon 112;	loại 350ml	ASIA	Lọ	150		
58	Gioăng chỉ sợi	f4	ASIA	Mét	10		
59	Kéo con chó DOG	X-66(250g)	ASIA	Lọ	5		
60	Khớp nối răng vỏ nhựa	BoWex AS 80	ASIA	Bộ	1		
61	Khớp nối răng vỏ nhựa	BoWex AS 45	ASIA	Bộ	1		
62	Kính hàn trắng		ASIA	Cái	50		
63	Kính hàn đen		ASIA	Cái	50		
64	Quai nhê	(Đại xiết ôm ống) từ Ø 8-16mm	ASIA	Cái	50		
65	Quai nhê	(Đại xiết ôm ống) từ Ø 12-22mm	ASIA	Cái	50		
66	Quai nhê	(Đại xiết ôm ống) từ Ø 16-27mm	ASIA	Cái	50		
67	Quai nhê	(Đại xiết ôm ống) từ Ø 20-32mm	ASIA	Cái	50		
68	Quai nhê	(Đại xiết ôm ống) từ Ø 25-40mm	ASIA	Cái	50		
69	Quai nhê	(Đại xiết ôm ống) từ Ø 30-45mm	ASIA	Cái	50		
70	Quai nhê	(Đại xiết ôm ống) từ Ø 35-50mm	ASIA	Cái	50		

71	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 40-60mm	ASIA	Cái	50	
72	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 50-70mm	ASIA	Cái	50	
73	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 60-80mm	ASIA	Cái	50	
74	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 70-90mm	ASIA	Cái	50	
75	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 80-100mm	ASIA	Cái	50	
76	Phốt chữ U	125x160x12	ASIA	cái	10	
77	Phốt chữ U	24x45x10	ASIA	cái	6	
78	Phốt chữ U	30x38x5	ASIA	cái	4	
79	Phốt chữ U	320x360x20	ASIA	cái	4	
80	Phốt chữ U	32x52x12	ASIA	cái	4	
81	Phốt chữ U	30x42x5	ASIA	cái	4	
82	Phốt chữ U	70x125x10	ASIA	cái	4	
83	Phốt chữ U	70x95x12	ASIA	cái	14	
	Công trước thuế					
	Thuế VAT 10%					
	Tổng cộng sau thuế					

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự đối với gói mua sắm		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng cấp theo đợt		Thời gian giao hàng
						Đợt 1	Đợt 2	
1	Silicon đỏ chịu nhiệt High-Tech Hi-Temp RTV Silicone	100% silicone rubber Silicone chịu nhiệt 650°F Thời gian khô bề mặt: ~5 phút	Thái Lan	Tuýp	300	150	150	- Đợt 1 trước 06/6/2019. - Đợt 2 tháng 10/2019.
2	Silicone ATT Apex 688 300ml	Màu: Trắng trong Thời gian tạm khô ở nhiệt độ 23°C: 04 phút	Việt Nam	Tuýp	500	250	250	
3	Dầu chống rỉ sét và bôi trơn RP7	Dung tích: 300g/chai	Selleys/Úc hoặc tương đương	Bình	200	100	100	
4	Keo LOCTITE 603	Lực cắt chịu được(N/mm²): 3,770 psi (26) Khả năng chịu nhiệt : 300°F(150C)° Thời gian đông kết(có thể đem ráp vào máy/ hoàn toàn): 10 phút/24 giờ Quy cách: chai 250ml	HENKEL CHINA	Chai	6	3	3	
5	Keo LOCTITE 680	Lực cắt chịu được(N/mm²): Tối thiểu 2,800 psi(19.3) Khả năng chịu nhiệt : 300°F(150C)° Thời gian đông kết(có thể đem ráp vào máy/ hoàn toàn): 10 phút/24 giờ Quy cách: chai 250ml	HENKEL CHINA	Chai	6	3	3	

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng cấp theo đợt		Thời gian giao hàng
						Đợt 1	Đợt 2	
6	Keo Loctite 581: Keo dán làm kín ren	Mô tả : Hồ ngà tới nâu vàng Quy cách ren lớn nhất : Cho tới 3"(7.62cm) Chịu nhiệt : 300°F (150°C) Áp suất làm việc lớn nhất(psi)/Thời gian đóng kết(N/mm²): 10,000 psi/ 24 giờ(68.9) Vật liệu nền cần làm kín : Thép không gỉ,nhôm Làm kín nhanh ở dải áp thấp : Có Làm kín ren: Chất bịt kín ống dạng ky khí có dải lực cao. Đồng kết nhanh	HENKEL CHINA	chai	2	1	1	- Đợt 1 trước 06/6/2019. - Đợt 2 tháng 10/2019.
7	Keo Loctite 277: Keo khóa ren	Màu đỏ, Lực khóa: Cao Độ nhớt (cP): 7,000 Thời gian đông kết (tối thiểu/hoàn toàn): 60 phút / 24 giờ Phạm vi nhiệt độ: -65°F đến 300°F (150°C) Mã sản phẩm:Chai 250ml Khóa Ren: Keo khóa ren lực khóa cao, độ nhớt cao dành cho bulông, ốc vít có đường kính lớn.	HENKEL CHINA	chai	12	1	11	
8	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P80	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1	1	0	
9	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P120	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1	1	0	
10	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P320	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1	1	0	
11	Giấy giáp mịn	Quy cách: 230x280 Độ hạt P600	Nikken/Nhật Bản	Tờ	30	15	15	
12	Giấy giáp vải thô B100	Độ hạt P60	Nhật Bản	m	8	4	4	
13	Giấy giáp vải mịn B100	Độ hạt 200	Nhật Bản	m	22	12	10	

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng cấp theo đợt		Thời gian giao hàng
						Đợt 1	Đợt 2	
14	Bìa amiang	1270x1270x0,5, chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25	13	12	- Đợt 1 trước 06/6/2019. - Đợt 2 tháng 10/2019.
15	Bìa amiang	1270x1270x1, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25	13	12	
16	Bìa amiang	1270x1270x1,5, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25	13	12	
17	Bìa amiang	1270x1270x2, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	30	15	15	
18	Bìa amiang	1270x1270x4, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	20	10	10	
19	Bìa amiang	1270x1270x5, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	15	8	7	
20	Amiang sợi mềm	F8	Việt Nam	kg	60	30	30	
21	Amiang sợi mềm	F10	Việt Nam	kg	60	30	30	
22	Đồng lá dày 0,02	1000x1000x0,02	Việt Nam	kg	1	1	0	
23	Đồng lá dày 0,05	1000x1000x0,05	Việt Nam	kg	2	1	1	
24	Đồng lá dày 0,1	1000x1000x0,1	Việt Nam	tám	5	3	2	
25	Đồng lá dày 0,2	1000x1000x0,2	Việt Nam	tám	5	3	2	
26	Đồng lá dày 0,3	1000x1000x0,3	Việt Nam	tám	5	3	2	
27	Đồng lá dày 0,5	1000x1000x0,5	Việt Nam	tám	5	3	2	
28	Đồng lá dày 1	1000x1000x1	Việt Nam	tám	5	3	2	
29	Chổi sơn	3"75mm	Việt Nam	Cái	60	30	30	
30	Chổi sơn	2"mm	Việt Nam	Cái	20	10	10	
31	Sơn chống gỉ (loại 03lít/ Hộp)	Sơn Đại Bàng	Việt Nam	Hộp	50	25	25	
32	Sơn màu ghi (loại 03lít/ Hộp)	Sơn Đại Bàng	Việt Nam	Hộp	50	25	25	
33	Vú mờ	M6	Việt Nam	Kg	15	10	5	

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng cấp theo đợt		Thời gian giao hàng
						Đợt 1	Đợt 2	
34	Vú mỡ	M8	Việt Nam	Kg	20	10	10	- Đợt 1 trước 06/6/2019. - Đợt 2 tháng 10/2019.
35	Vú mỡ	M10	Việt Nam	Kg	20	10	10	
36	Phôi nhựa đặc	f20x1000	Việt Nam	Kg	40	20	20	
37	Phôi nhựa đặc	f30x1000	Việt Nam	Kg	40	20	20	
38	Phôi nhựa đặc	f60x1000	Việt Nam	Kg	40	3	2	
39	Ni tấm dày 10	Loại 10 mm	Việt Nam	m2	30	15	15	
40	Súng bơm mỡ bằng tay	Loại 500 CC	ASIA	Cái	10	5	5	
41	Amiang chì	35x35	ASIA	Kg	10	5	5	
44	Đầu cắm nhanh	Ø10	ASIA	Cái	34	20	14	
45	Đầu cắm nhanh	Φ12xM20	ASIA	Cái	40	20	20	
46	Đầu cắm nhanh	Φ8xM20	ASIA	Cái	40	20	20	
47	Dây khí	Φ12	ASIA	Mét	20	10	0	
48	Dây khí	Φ8	ASIA	Mét	20	20	0	
49	Đinh rút	F3,2x10	ASIA	Kg	40	20	20	
50	Lò xo graphit	F5xF60x200	ASIA	Cái	60	60	0	
51	Phanh hãm trục	F32	ASIA	Cái	480	240	240	
52	Phanh hãm trục lỗ	F76	ASIA	Cái	480	240	240	
53	Rắc co ống đồng	F10	ASIA	cái	100	50	50	
54	Tấm cao su	chịu nhiệt 250 độ C, B500 dày 10	ASIA	Kg	300	150	150	
55	Tăng đơ	M24	ASIA	Cái	12	6	6	

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng cấp theo đợt		Thời gian giao hàng
						Đợt 1	Đợt 2	
56	Xy lanh	TC 63x250	ASIA	Cái	20	10	10	- Đợt 1 trước 06/6/2019. - Đợt 2 tháng 10/2019.
57	Khớp cầu trái tự lựa	M22, bước ren 1,5	ASIA	Cái	12	6	6	
58	Xích truyền động ghi (Bộ 6m)	PHC 200-1	ASIA	Bộ	1	1	0	
59	Silicon 112;	loại 350ml	ASIA	Lọ	150	75	75	
60	Gioăng chỉ sợi	f4	ASIA	Mét	10	10	0	
61	Keo con chó DOG	X-66(250g)	ASIA	Lọ	5	5	0	
62	Khớp nối răng vỏ nhựa	BoWex AS 80	ASIA	Bộ	1	1	0	
63	Khớp nối răng vỏ nhựa	BoWex AS 45	ASIA	Bộ	1	1	0	
64	Kính hàn trắng		ASIA	Cái	50	25	25	
65	Kính hàn đen		ASIA	Cái	50	25	25	
66	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 8-16mm	ASIA	Cái	50	25	25	
67	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 12-22mm	ASIA	Cái	50	25	25	
68	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 16-27mm	ASIA	Cái	50	25	25	
69	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 20-32mm	ASIA	Cái	50	25	25	
70	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 25-40mm	ASIA	Cái	50	25	25	
71	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 30-45mm	ASIA	Cái	50	25	25	
72	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 35-50mm	ASIA	Cái	50	25	25	
73	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 40-60mm	ASIA	Cái	50	25	25	
74	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 50-70mm	ASIA	Cái	50	25	25	
75	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 60-80mm	ASIA	Cái	50	25	25	

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Số lượng cấp theo đợt		Thời gian giao hàng
						Đợt 1	Đợt 2	
76	Quai nhè	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 70-90mm	ASIA	Cái	50	25	25	- Đợt 1 trước 06/6/2019. - Đợt 2 tháng 10/2019.
77	Quai nhè	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 80-100mm	ASIA	Cái	50	25	25	
78	Phốt chữ U	125x160x12	ASIA	cái	10	5	5	
79	Phốt chữ U	24x45x10	ASIA	cái	6	6	0	
80	Phốt chữ U	30x38x5	ASIA	cái	4	4	0	
81	Phốt chữ U	320x360x20	ASIA	cái	4	4	0	
82	Phốt chữ U	32x52x12	ASIA	cái	4	4	0	
83	Phốt chữ U	30x42x5	ASIA	cái	4	4	0	
84	Phốt chữ U	70x125x10	ASIA	cái	4	4	0	
85	Phốt chữ U	70x95x12	ASIA	cái	14	14	0	

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật và Thời gian giao hàng:

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mức độ đáp ứng	
						Đạt	Không đạt
1	Silicon đồ chịu nhiệt High-Tech Hi-Temp RTV Silicone	100% silicone rubber Silicone chịu nhiệt 650°F Thời gian khô bề mặt: ~5 phút	Thái Lan	Tuýp	300		
2	Silicone ATT Apex 688 300ml	Màu: Trắng trong Thời gian tạm khô ở nhiệt độ 23°C: 04 phút	Việt Nam	Tuýp	500		
3	Dầu chống rỉ sét và bôi trơn RP7	Dung tích: 300g/chai	Selleys/Úc hoặc tương đương	Bình	200		
4	Keo LOCTITE 603	Lực cắt chịu được(N/mm ²): 3,770 psi (26) Khả năng chịu nhiệt : 300°F(150C)° Thời gian đông kết(có thể đem ráp vào máy/ hoàn toàn): 10 phút/24 giờ Quy cách: chai 250ml	HENKEL CHINA	Chai	6		
5	Keo LOCTITE 680	Lực cắt chịu được(N/mm ²): Tối thiểu 2,800 psi(19.3) Khả năng chịu nhiệt : 300°F(150C)° Thời gian đông kết(có thể đem ráp vào máy/ hoàn toàn): 10 phút/24 giờ Quy cách: chai 250ml	HENKEL CHINA	Chai	6	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
6	Keo Loctite 581: Keo dán làm kín ren	Mô tả : Hồ ngà tới nâu vàng Quy cách ren lớn nhất : Cho tới 3"(7.62cm) Chịu nhiệt : 300°F (150°C) Áp suất làm việc lớn nhất(psi)/Thời gian đông kết(N/mm ²): 10,000 psi/ 24 giờ(68.9) Vật liệu nền cần làm kín : Thép không gỉ,nhôm Làm kín nhanh ở dải áp thấp : Có Làm kín ren: Chất bịt kín ống dạng kỵ khí có dải lực cao. Đông kết nhanh	HENKEL CHINA	chai	2		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mức độ đáp ứng	
						Đạt	Không đạt
7	Keo Loctite 277: Keo khóa ren	Màu đỏ, Lực khóa: Cao Độ nhớt (cP): 7,000 Thời gian đông kết (tối thiểu/hoàn toàn): 60 phút / 24 giờ Phạm vi nhiệt độ: -65°F đến 300°F (150°C) Mã sản phẩm: Chai 250ml Khóa Ren: Keo khóa ren lực khóa cao, độ nhớt cao dành cho bulông, ốc vít có đường kính lớn.	HENKEL CHINA	chai	12	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
8	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P80	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1		
9	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P120	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1		
10	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P320	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1		
11	Giấy giáp mịn	Quy cách: 230x280 Độ hạt P600	Nikken/Nhật Bản	Tờ	30		
12	Giấy giáp vải thô B100	Độ hạt P60	Nhật Bản	m	8		
13	Giấy giáp vải mịn B100	Độ hạt 200	Nhật Bản	m	22		
14	Bìa amiang	1270x1270x0,5, chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25		
15	Bìa amiang	1270x1270x1, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25		
16	Bìa amiang	1270x1270x1,5, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25		
17	Bìa amiang	1270x1270x2, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	30		
18	Bìa amiang	1270x1270x4, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	20		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mức độ đáp ứng	
						Đạt	Không đạt
19	Bìa amiang	1270x1270x5, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	15	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
20	Amiang sợi mềm	F8	Việt Nam	kg	60		
21	Amiang sợi mềm	F10	Việt Nam	kg	60		
22	Đồng lá dày 0,02	1000x1000x0,02	Việt Nam	kg	1		
23	Đồng lá dày 0,05	1000x1000x0,05	Việt Nam	kg	2		
24	Đồng lá dày 0,1	1000x1000x0,1	Việt Nam	tám	5		
25	Đồng lá dày 0,2	1000x1000x0,2	Việt Nam	tám	5		
26	Đồng lá dày 0,3	1000x1000x0,3	Việt Nam	tám	5		
27	Đồng lá dày 0,5	1000x1000x0,5	Việt Nam	tám	5		
28	Đồng lá dày 1	1000x1000x1	Việt Nam	tám	5		
29	Chổi sơn	3"75mm	Việt Nam	Cái	60		
30	Chổi sơn	2"mm	Việt Nam	Cái	20		
31	Sơn chống gỉ (loai 03lít/ Hộp)	Sơn Đại Bàng	Việt Nam	Hộp	50		
32	Sơn màu ghi (loai 03lít/ Hộp)	Sơn Đại Bàng	Việt Nam	Hộp	50		
33	Vú mỡ	M6	Việt Nam	Kg	15		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mức độ đáp ứng	
						Đạt	Không đạt
34	Vú mỡ	M8	Việt Nam	Kg	20	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
35	Vú mỡ	M10	Việt Nam	Kg	20		
36	Phôi nhựa đặc	f20x1000	Việt Nam	Kg	40		
37	Phôi nhựa đặc	f30x1000	Việt Nam	Kg	40		
38	Phôi nhựa đặc	f60x1000	Việt Nam	Kg	40		
39	Nỉ tám dây 10	Loại 10 mm	Việt Nam	m2	30		
40	Súng bơm mỡ bằng tay	Loại 500 CC	ASIA	Cái	10		
41	Amiang chì	35x35	ASIA	Kg	10		
42	Đầu cắm nhanh	Ø10	ASIA	Cái	34		
43	Đầu cắm nhanh	Φ12xM20	ASIA	Cái	40		
44	Đầu cắm nhanh	Φ8xM20	ASIA	Cái	40		
45	Dây khí	Φ12	ASIA	Mét	20		
46	Dây khí	Φ8	ASIA	Mét	20		
47	Đinh rút	F3,2x10	ASIA	Kg	40		
48	Lò xo graphit	F5xF60x200	ASIA	Cái	60		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mức độ đáp ứng	
						Đạt	Không đạt
49	Phanh hãm trục	F32	ASIA	Cái	480	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
50	Phanh hãm trục lỗ	F76	ASIA	Cái	480		
51	Rắc co ống đồng	F10	ASIA	cái	100		
52	Tấm cao su	chịu nhiệt 250 độ C, B500 dày 10	ASIA	Kg	300		
53	Tăng đơ	M24	ASIA	Cái	12		
54	Xy lanh	TC 63x250	ASIA	Cái	20		
55	Khớp cầu trái tự lựa	M22, bước ren 1,5	ASIA	Cái	12		
56	Xích truyền động ghi (Bộ 6m)	PHC 200-1	ASIA	Bộ	1		
57	Silicon 112;	loại 350ml	ASIA	Lọ	150		
58	Gioăng chỉ sợi	f4	ASIA	Mét	10		
59	Keo con chó DOG	X-66(250g)	ASIA	Lọ	5		
60	Khớp nối răng vỏ nhựa	BoWex AS 80	ASIA	Bộ	1		
61	Khớp nối răng vỏ nhựa	BoWex AS 45	ASIA	Bộ	1		
62	Kính hàn trắng		ASIA	Cái	50		
63	Kính hàn đen		ASIA	Cái	50		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mức độ đáp ứng	
						Đạt	Không đạt
64	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 8-16mm	ASIA	Cái	50	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
65	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 12-22mm	ASIA	Cái	50		
66	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 16-27mm	ASIA	Cái	50		
67	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 20-32mm	ASIA	Cái	50		
68	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 25-40mm	ASIA	Cái	50		
69	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 30-45mm	ASIA	Cái	50		
70	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 35-50mm	ASIA	Cái	50		
71	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 40-60mm	ASIA	Cái	50		
72	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 50-70mm	ASIA	Cái	50		
73	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 60-80mm	ASIA	Cái	50		
74	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 70-90mm	ASIA	Cái	50		
75	Quai nhé	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 80-100mm	ASIA	Cái	50		
76	Phốt chữ U	125x160x12	ASIA	cái	10		
77	Phốt chữ U	24x45x10	ASIA	cái	6		
78	Phốt chữ U	30x38x5	ASIA	cái	4		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Mức độ đáp ứng		
						Đạt	Không đạt	
79	Phốt chữ U	320x360x20	ASIA	cái	4	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu	
80	Phốt chữ U	32x52x12	ASIA	cái	4			
81	Phốt chữ U	30x42x5	ASIA	cái	4			
82	Phốt chữ U	70x125x10	ASIA	cái	4			
83	Phốt chữ U	70x95x12	ASIA	cái	14			
	Điều kiện nghiệm thu: - Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng. Hàng hóa phải đúng chủng loại, mã hiệu và số lượng. - Hàng hóa phải được đóng gói, bảo quản theo đúng yêu cầu của Nhà sản xuất.						Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
	Điều kiện bảo hành: Bảo hành theo các tiêu chí của Nhà sản xuất.						Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
Đánh giá	<u>Đáp ứng</u>						Đạt tất cả các nội dung nêu trên	
	<u>Không đáp ứng</u>						Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên	

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2019/HĐKT

V/v: Mua vật tư nhỏ lẻ phục vụ sửa chữa năm 2019
(Ký hiệu: XMST/2019/VTL)

Căn cứ bộ luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ luật thương mại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST ngày / /2019 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Mua vải máng, vải silicon + túi lọc bụi, xương túi lọc (ký hiệu: XMST/2019/VTX);

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày / /2019, tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, chúng tôi gồm:

I. BÊN A : Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy

Chức vụ : Tổng giám đốc

Địa chỉ : Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ

Điện thoại : 0210.3884927

Fax: 0210.3884.929

Mã số thuế : 2600279082

Tài khoản : 115000040144

Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đền Hùng.

II. BÊN B :

Đại diện : Chức vụ:.....

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax:.....

Mã số thuế :

Tài khoản :

Ngân Hàng :

Điều 1. Nội dung, giá trị, hình thức Hợp đồng:

1.1. Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán vật tư nhỏ, lẻ phục vụ sửa chữa Nhà máy của Bên A năm 2019.

1.2. Giá trị Hợp đồng:đồng (Bằng chữ :).

1.3. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền
1	Silicon đỏ chịu nhiệt High-Tech Hi-Temp RTV Silicone	100% silicone rubber Silicone chịu nhiệt 650°F Thời gian khô bề mặt: ~5 phút	Thái Lan	Tuýp	300		
2	Silicone ATT Apex 688 300ml	Màu: Trắng trong Thời gian tạm khô ở nhiệt độ 23°C: 04 phút	Việt Nam	Tuýp	500		
3	Dầu chống rỉ sét và bôi trơn RP7	Dung tích: 300g/chai	Selleys/Úc hoặc tương đương	Bình	200		
4	Keo LOCTITE 603	Lực cắt chịu được(N/mm ²): 3,770 psi (26) Khả năng chịu nhiệt : 300°F(150C)° Thời gian đông kết(có thể đem ráp vào máy/ hoàn toàn): 10 phút/24 giờ Quy cách: chai 250ml	HENKEL CHINA	Chai	6		
5	Keo LOCTITE 680	Lực cắt chịu được(N/mm ²): Tối thiểu 2,800 psi(19.3) Khả năng chịu nhiệt : 300°F(150C)° Thời gian đông kết(có thể đem ráp vào máy/ hoàn toàn): 10 phút/24 giờ Quy cách: chai 250ml	HENKEL CHINA	Chai	6		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền
6	Keo Loctite 581: Keo dán làm kín ren	Mô tả : Hồ ngà tới nâu vàng Quy cách ren lớn nhất : Cho tới 3"(7.62cm) Chịu nhiệt : 300°F (150°C) Áp suất làm việc lớn nhất(psi)/Thời gian đông kết(N/mm ²): 10,000 psi/ 24 giờ(68.9) Vật liệu nền cần làm kín : Thép không gỉ,nhôm Làm kín nhanh ở dải áp thấp : Có Làm kín ren: Chất bột kín ống dạng kỵ khí có dải lực cao. Đông kết nhanh	HENKEL CHINA	chai	2		
7	Keo Loctite 277: Keo khóa ren	Màu đỏ, Lực khóa: Cao Độ nhớt (cP)+: 7,000 Thời gian đông kết (tối thiểu/hoàn toàn): 60 phút / 24 giờ Phạm vi nhiệt độ: - 65°F đến 300°F (150°C) Mã sản phẩm:Chai 250ml Khóa Ren: Keo khóa ren lực khóa cao, độ nhớt cao dành cho bulông, ốc vít có đường kính lớn.	HENKEL CHINA	chai	12		
8	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P80	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1		
9	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P120	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1		
10	Giấy giáp thô dạng cuộn B100	Độ hạt P320	Nikken/Nhật Bản	Cuộn	1		
11	Giấy giáp mịn	Quy cách: 230x280 Độ hạt P600	Nikken/Nhật Bản	Tờ	30		
12	Giấy giáp vải thô B100	Độ hạt P60	Nhật Bản	m	8		
13	Giấy giáp vải mịn B100	Độ hạt 200	Nhật Bản	m	22		
14	Bìa amiang	1270x1270x0,5, chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25		
15	Bìa amiang	1270x1270x1, Chịu	Việt Nam	Tờ	25		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền
		áp 4-5 MPA					
16	Bìa amiang	1270x1270x1,5, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	25		
17	Bìa amiang	1270x1270x2, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	30		
18	Bìa amiang	1270x1270x4, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	20		
19	Bìa amiang	1270x1270x5, Chịu áp 4-5 MPA	Việt Nam	Tờ	15		
20	Amiang sợi mềm	F8	Việt Nam	kg	60		
21	Amiang sợi mềm	F10	Việt Nam	kg	60		
22	Đồng lá dày 0,02	1000x1000x0,02	Việt Nam	kg	1		
23	Đồng lá dày 0,05	1000x1000x0,05	Việt Nam	kg	2		
24	Đồng lá dày 0,1	1000x1000x0,1	Việt Nam	tấm	5		
25	Đồng lá dày 0,2	1000x1000x0,2	Việt Nam	tấm	5		
26	Đồng lá dày 0,3	1000x1000x0,3	Việt Nam	tấm	5		
27	Đồng lá dày 0,5	1000x1000x0,5	Việt Nam	tấm	5		
28	Đồng lá dày 1	1000x1000x1	Việt Nam	tấm	5		
29	Chổi sơn	3"75mm	Việt Nam	Cái	60		
30	Chổi sơn	2"mm	Việt Nam	Cái	20		
31	Sơn chống gỉ (loại 03lít/ Hộp)	Sơn Đại Bàng	Việt Nam	Hộp	50		
32	Sơn màu ghi (loại 03lít/ Hộp)	Sơn Đại Bàng	Việt Nam	Hộp	50		
33	Vú mỡ	M6	Việt Nam	Kg	15		
34	Vú mỡ	M8	Việt Nam	Kg	20		
35	Vú mỡ	M10	Việt Nam	Kg	20		
36	Phôi nhựa đặc	f20x1000	Việt Nam	Kg	40		
37	Phôi nhựa đặc	f30x1000	Việt Nam	Kg	40		
38	Phôi nhựa đặc	f60x1000	Việt Nam	Kg	40		
39	Nỉ tấm dày 10	Loại 10 mm	Việt Nam	m2	30		
40	Súng bơm mỡ bằng tay	Loại 500 CC	ASIA	Cái	10		
41	Amiang chì	35x35	ASIA	Kg	10		
42	Đầu cắm nhanh	Ø10	ASIA	Cái	34		
43	Đầu cắm nhanh	Φ12xM20	ASIA	Cái	40		
44	Đầu cắm nhanh	Φ8xM20	ASIA	Cái	40		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền
45	Dây khí	Φ12	ASIA	Mét	20		
46	Dây khí	Φ8	ASIA	Mét	20		
47	Đinh rút	F3,2x10	ASIA	Kg	40		
48	Lò xo graphit	F5xF60x200	ASIA	Cái	60		
49	Phanh hãm trực	F32	ASIA	Cái	480		
50	Phanh hãm trực lỗ	F76	ASIA	Cái	480		
51	Rắc co ống đồng	F10	ASIA	cái	100		
52	Tấm cao su	chịu nhiệt 250 độ C, B500 dày 10	ASIA	Kg	300		
53	Tăng đơ	M24	ASIA	Cái	12		
54	Xy lanh	TC 63x250	ASIA	Cái	20		
55	Khớp cầu trái tự lựa	M22, bước ren 1,5	ASIA	Cái	12		
56	Xích truyền động ghi (Bộ 6m)	PHC 200-1	ASIA	Bộ	1		
57	Silicon 112;	loại 350ml	ASIA	Lọ	150		
58	Gioăng chỉ sợi	f4	ASIA	Mét	10		
59	Keo con chó DOG	X-66(250g)	ASIA	Lọ	5		
60	Khớp nối răng vỏ nhựa	BoWex AS 80	ASIA	Bộ	1		
61	Khớp nối răng vỏ nhựa	BoWex AS 45	ASIA	Bộ	1		
62	Kính hàn trắng		ASIA	Cái	50		
63	Kính hàn đen		ASIA	Cái	50		
64	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 8-16mm	ASIA	Cái	50		
65	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 12-22mm	ASIA	Cái	50		
66	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 16-27mm	ASIA	Cái	50		
67	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 20-32mm	ASIA	Cái	50		
68	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 25-40mm	ASIA	Cái	50		
69	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 30-45mm	ASIA	Cái	50		
70	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 35-50mm	ASIA	Cái	50		
71	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 40-60mm	ASIA	Cái	50		
72	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 50-70mm	ASIA	Cái	50		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền
73	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 60-80mm	ASIA	Cái	50		
74	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 70-90mm	ASIA	Cái	50		
75	Quai nhê	(Đai xiết ôm ống) từ Ø 80-100mm	ASIA	Cái	50		
76	Phốt chữ U	125x160x12	ASIA	cái	10		
77	Phốt chữ U	24x45x10	ASIA	cái	6		
78	Phốt chữ U	30x38x5	ASIA	cái	4		
79	Phốt chữ U	320x360x20	ASIA	cái	4		
80	Phốt chữ U	32x52x12	ASIA	cái	4		
81	Phốt chữ U	30x42x5	ASIA	cái	4		
82	Phốt chữ U	70x125x10	ASIA	cái	4		
83	Phốt chữ U	70x95x12	ASIA	cái	14		
	Công trước thuế						
	Thuế VAT 10%						
	Tổng cộng sau thuế						

Giá trị trên bao gồm chi phí vật tư, thuế VAT 10%, chi phí vận chuyển đến Nhà máy xi măng Sông Thao (giao hàng trên phương tiện vận tải Bên B) và các chi phí khác có liên quan.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

- Hàng hoá mới 100%, chưa qua sử dụng; sản xuất năm 2017 hoặc năm 2018; đúng chủng loại, mã hiệu, qui cách; đúng Hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng.
- Hàng hóa không bị các khuyết tật hoặc biến dạng cơ học: như móp méo, cong vênh, rạn nứt, vỡ, thủng...
- Những hàng hóa được đóng kiện và bảo quản theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất, khi giao hàng còn nguyên đai, nguyên kiện.

2.2. Điều kiện nghiệm thu:

- Khi Bên B cung cấp hàng hóa đúng chủng loại, yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng như nêu tại Khoản 2.1 - Điều 2 của Hợp đồng, Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và nhập kho hàng hóa.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu nếu hàng hóa Bên B cung cấp không đúng chủng loại, không đúng thông số kỹ thuật, không đảm bảo chất lượng. Bên B phải vận chuyển hàng hóa bị Bên A từ chối nghiệm thu về và có trách nhiệm cung cấp

hàng hóa khác đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và đảm bảo thời gian giao hàng theo yêu cầu của Hợp đồng. Mọi chi phí khắc phục để thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.

Điều 3. Thời gian, địa điểm giao hàng và hình thức giao nhận:

3.1. Thời gian giao hàng: Hàng hóa được giao làm 02 đợt:

- Đợt 1: Giao trước ngày 06/6/2019.

-Đợt 2: Giao trong tháng 10/2019.

Trước khi giao hàng, Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản (*fax, điện thoại*) về thời gian giao hàng để Bên A bố trí nhân lực, phương tiện tiếp nhận hàng hóa.

3.2. Địa điểm, phương thức giao hàng: Giao hàng trên phương tiện Bên B, tại kho của Bên A: Xã Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ.

Điều 4. Phương thức thanh, quyết toán:

4.1. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng:

Sau khi Bên B giao hàng đầy đủ hàng hóa cho Bên A, trên cơ sở Biên bản nghiệm thu hàng hóa được A - B ký, Hai Bên tiến hành lập Hồ sơ quyết toán và thanh lý Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán và thanh lý Hợp đồng được A - B ký, giấy đề nghị thanh toán của Bên B, kèm hóa đơn GTGT, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị quyết toán cho Bên B.

4.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.3. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 5. Trách nhiệm Các Bên:

5.1. Trách nhiệm Bên A:

a. Cùng với Bên B kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa về số lượng, chất lượng hàng hóa do Bên B giao theo quy định của Hợp đồng, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (*nếu có*).

b. Thanh, quyết toán và thanh lý Hợp đồng theo đúng Điều 4 của Hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

a. Cung cấp cho Bên A hàng hóa đủ số lượng, đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu tại Điều 1; Điều 2 và giao hàng đúng thời gian yêu cầu nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.

b. Phối hợp cùng Bên A nghiệm thu, bàn giao hàng hoá tại kho Bên A.

c. Cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng.

Điều 6. Phạt vi phạm Hợp đồng:

6.1. Trường hợp Bên B giao hàng chậm hơn thời gian qui định trong Hợp đồng, thì Bên B sẽ phải chịu phạt 0,5% giá trị hàng hóa giao chậm/01 ngày giao chậm và thời gian giao chậm không quá 07 ngày. Nếu Bên B giao hàng chậm quá 07 ngày,

Bên A có quyền hủy Hợp đồng hoặc không mua những mục vật tư giao chậm mà không phải bồi thường bất cứ thiệt hại nào cho Bên B, đồng thời Bên B phải chịu phạt 5% giá trị Hợp đồng.

6.2. Trường hợp Bên A thanh toán chậm so với quy định tại Điều 5 thì Bên A sẽ phải trả lãi cho giá trị chậm trả tính theo lãi suất tiền gửi loại không kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng tại thời điểm thanh toán.

Điều 7. Bất khả kháng:

7.1. Các Bên ký Hợp đồng sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng trong trường hợp gặp phải sự kiện bất khả kháng theo luật định (*Thiên tai, hỏa hoạn...*). Ngay khi xảy ra điều kiện gây nên trường hợp bất khả kháng, thì bên gặp phải trường hợp bất khả kháng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. Quá thời hạn này bất khả kháng sẽ không được tính đến (*trừ trường hợp qui định tại Khoản 7.2 – Điều 7 của Hợp đồng*).

7.2. Trường hợp bất khả kháng được chấp nhận sau 24 giờ, nếu được xác nhận bởi nhà chức trách có liên quan.

7.3. Nếu trong trường hợp Nhà nước có sự thay đổi về chính sách thuế liên quan đến chủng loại hàng hóa của hợp đồng này (*tăng hoặc giảm*), sau thời điểm Hai Bên ký xác nhận đơn hàng, thì phần thuế thay đổi so với mức thuế cũ sẽ được thông báo cho Bên A và giá bán của Bên B sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với mức thuế mới của Nhà nước đã ban hành. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B theo giá mới do sự thay đổi của chính sách thuế của Nhà nước.”

Điều 8. Điều khoản chung:

8.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.

8.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

Họ và tên
Chức vụ